TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **354**/2019/QĐST-HNGĐ	*Bình Chánh, ngày 19 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 282/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 04 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", của:

Người yêu cầu:

1/ Bà **Lê Thị Ngọc M**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: 16 khu 7A, tổ 2, thị trấn Cần Đ, huyện Cần Đ, tỉnh Long An.

2/ Ông **Trần Hoàng N**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: E15/426 ấp 5, xã Phong P, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Trung tâm Hòa giải – Đối thoại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn của bà Lê Thị Ngọc M và ông Trần Hoàng N đề ngày 11/4/2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Trung tâm Hòa giải – Đối thoại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Ngọc M và ông Trần Hoàng N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc M và ông Trần Hoàng N thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 142 do Ủy ban nhân dân xã Phong P, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/11/2011 không còn giá trị pháp lý.

2.2. Về con chung: Bà Lê Thị Ngọc M và ông Trần Hoàng N cùng thỏa thuận giao con chung là trẻ Trần Ngọc Yến Nh (nữ), sinh ngày 31/12/2011 cho bà Lê Thị

Ngọc M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Trần Hoàng N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng.

Bà Lê Thị Ngọc M và ông Trần Hoàng N thực hiện việc giao và nhận tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 01 dương lịch hàng tháng tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền, thời gian bắt đầu thực hiện từ ngày 01/5/2019 cho đến khi trẻ Trần Ngọc Yến Nh (nữ), sinh ngày 31/12/2011 trưởng thành.

Trường hợp ông Trần Hoàng N không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì bà Lê Thị Ngọc M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông Trần Hoàng N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà Lê Thị Ngọc M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Hoàng N chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì ông Trần Hoàng N phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng nuôi con theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Ngọc M và ông Trần Hoàng N đều xác nhận không có tài sản chung và không nợ ai nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.4. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Bà Lê Thị Ngọc M và ông Trần Hoàng N thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0015426 ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Ngọc M và ông Trần Hoàng N đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự (2).
- VKSND H. Bình Chánh (2).
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1).
- UBND xã Phong P, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh (1).
- Lưu hồ sơ vụ án (3).

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh Huyền